

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-PT
Ngày 05-4-2018

*V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán và vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Nguyệt**
- *Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Hữu Mừng**
Ông **Bùi Hữu Nhân**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Nghị**, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông **Hoàng Thế Trọng**, kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2017/TLPT-DS ngày 27/12/2017, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán và vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐ-PT ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị M**, sinh năm 1961

Địa chỉ: số 94, Trần Phú, TT.D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

* *Bị đơn:* Bà **Tô Thị N**, sinh năm 1957

Địa chỉ: số 1190 Hùng Vương, TT.D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

Kháng cáo: Bị đơn bà Tô Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay bà M trình bày:

Từ năm 2009 đến năm 2012 bà và bà N mua bán phân bón, xăng dầu và vay tiền với nhau. Đến ngày 01/2/2012 bà N nợ tiền phân là 106.000.000 đồng gồm 200 bao phân NPK với giá tiền 530.000 đồng/1bao và nợ tiền vay là 156.000.000 đồng. Hai bên có viết 02 giấy nhận nợ và khất nợ cùng ghi ngày 01/2/2012. Đối với khoản tiền nợ 106.000.000 đồng hai bên thỏa thuận đến ngày 30/2/2012 bà N sẽ trả. Nếu không trả phải chịu lãi suất 1,3% tính từ 01/01/2012 đến ngày 30/12/2012. Đối với khoản tiền nợ 156.000.000 đồng hai bên thỏa thuận bà sẽ đổ xăng dầu trừ dần từ ngày 01/02/2012 trở đi trong vòng 4 tháng nếu không sẽ chịu lãi suất 1,3% từ ngày 01/02/2012 cho đến ngày trả nợ cuối cùng.

Quá trình thực hiện bà N đã thanh toán cho bà số tiền 88.570.000 đồng là tiền bà N hốt huê trả và trừ vào tiền đổ xăng dầu 14.215.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ phân gốc 106.000.000 đồng và tiền vay gốc 156.000.000 đồng. Bà chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện phân tố của bà N về số tiền bà đã nhận 88.570.000 đồng tiền hốt huê trừ vào tiền vay 106.000.000 đồng còn lại 17.430.000 đồng và 14.215.000 đồng tiền đổ xăng dầu trừ vào số tiền mua bán 156.000.000 đồng còn lại 141.785.000 đồng. Cụ thể yêu cầu bà N trả cho bà số tiền vay còn lại gốc 17.430.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 01/02/2012 cho đến ngày 14/9/2017 là 66,6 tháng thành tiền là 11.608.000 đồng. Tiền mua bán còn lại gốc 141.785.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 01/02/2012 đến ngày 14/9/2017 là 66,6 tháng thành tiền 70.821.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ chứng M là hai tài liệu có tiêu đề “Giấy nhận nợ và khất nợ” ghi ngày 01/02/2012 do bà N ký ghi họ tên Tô Thị N.

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay bà N trình bày:

Bà công nhận lời trình bày của bà M là đúng từ năm 2009 đến năm 2012 bà và bà M có mua bán phân bón, xăng dầu và vay tiền với nhau. Đến ngày 01/02/2012 bà có ký giấy nợ và khất nợ, nợ bà M tiền mua phân là 106.000.000 đồng và nợ tiền vay là 156.000.000 đồng. Tuy nhiên khi bà ký hai giấy nhận nợ và khất nợ giữa bà với bà M chưa đối chiếu công nợ xong nên bà nghĩ bà còn nợ tiền phân và tiền vay nên mới ký vào hai giấy nợ cùng ghi ngày 01/02/2012 nhưng thực tế bà không nợ của bà M. Quá trình mua bán và vay tiền của bà M bà đã trả dư cho bà M 3.533,6 kg cà phê nhân Robusta; 178.800.000 đồng và 131.074.000 đồng tiền xăng dầu bà M chưa thanh toán.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền vay còn lại gốc 17.430.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/ tháng từ ngày 01/02/2012 đến ngày 14/9/2017 là 66,6 tháng thành tiền là 11.608.000 đồng. Tiền mua bán còn lại gốc 141.785.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 01/02/2012 đến ngày 14/9/2017 là 66,6 tháng thành tiền là 70.821.000 đồng thì bà không chấp nhận.

Về yêu cầu khởi kiện phân tố, bà yêu cầu bà M thanh toán 3.533,6 kg cà phê nhân Robusta với đơn giá 38.000 đồng thành tiền 134.270.000 đồng và tiền lãi

từ 31/01/2012 đến 14/9/2017 là 66 tháng x 1%/tháng = 88.623.000 đồng. Trước đây bà yêu cầu bà M trả lại 178.000.000 đồng tiền huê, tại phiên tòa bà M chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của bà công nhận việc đã nhận của bà 88.570.000 đồng. Vì vậy, bà yêu cầu bà M trả 90.023.000 đồng còn lại không yêu cầu lãi. Yêu cầu bà M thanh toán tiền nợ xăng dầu 131.074.000 đồng, do tại phiên tòa bà M chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của bà về số tiền nợ xăng dầu 14.215.000 đồng nên bà yêu cầu bà M trả 116.859.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 30/6/2012 đến 14/9/2017 là 60 tháng x 1%/tháng= 70.115.000 đồng.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện D đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M buộc bà Tô Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị M số tiền gốc 159.215.000 đồng và tiền lãi 82.429.000 đồng. Tổng cộng 241.644.000 đồng

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Tô Thị N buộc bà Phan Thị M có nghĩa vụ thanh toán 3.533,6kg cà phê nhân Robusta tương ứng với số tiền 134.270.000 đồng; tiền huê 90.023.000 đồng, tiền nợ xăng dầu 116.859.000 đồng và tiền lãi 70.115.000 đồng. Tổng cộng 499.890.000 đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự

Ngày 26/9/2017 bị đơn bà Tô Thị N kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Bà yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm vì bà không nợ tiền bà M.

Tại phiên tòa hôm nay; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Bác kháng cáo toàn bộ kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Năm 2012 bà M và bà N mua bán phân bón, vay tiền với nhau. Bà N còn nợ bà M số tiền 106.000.000 đồng tiền phân hẹn 30/12/2012 sẽ trả và 156.000.000 đồng tiền vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà N trả cho bà số tiền trên bà N không đồng ý và có yêu cầu phản tố nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ

tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán và vay tài sản*” có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn đối chiếu các tài liệu chứng cứ cấp sơ thẩm đã thu thập, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện.

Theo giấy nhận nợ và khất nợ ngày 01/02/2012 thể hiện lúc đầu bà N nợ bà M 106.000.000 đồng (BL01) và 156.000.000 đồng (BL02). Lúc đầu, bà N không thừa nhận hai chữ ký là của bà nhưng theo kết quả giám định xác định đúng là chữ ký của bà N. Tại phiên tòa hôm nay bà N cho rằng bà ký vào hai giấy nhận nợ và khất nợ nhưng chưa đối chiếu nên bà N không đồng ý trả cho bà M số tiền 159.215.000 đồng vì bà cho rằng bà M đã nhận của bà 3.533,6kg cà phê nhân Robusta thành tiền 134.270.000 đồng. Tuy nhiên chứng cứ bà N cung cấp không thể hiện việc bà M đã nhận số cà phê nhân nói trên và bà M cũng không thừa nhận đã nhận 3,533,6kg cà phê nhân của bà N do đó không có cơ sở chấp nhận về phần này của bà N.

Bà N cho rằng bà M nợ bà 90.023.000 đồng tiền huê (BL86) nhưng bà M không thừa nhận tài liệu này do đó không có cơ sở xác định đây là giấy huê do bà M lập. Bà N không chứng M được chứng cứ này do bà M viết. Bà N cho rằng bà M còn nợ bà 116.859.000 đồng tiền xăng dầu và tiền lãi 70.115.000 đồng thì thấy: Chứng cứ bà N cung cấp thể hiện bà N bán xăng dầu cho nhiều người, việc giao nhận xăng dầu giữa bà N và bà M không rõ ràng, bà M không thừa nhận. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N.

Tại phiên tòa hôm nay bà N không cung cấp chứng cứ mới chứng M cho yêu cầu kháng cáo của mình. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,
- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tô Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M buộc bà Tô Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị M số tiền gốc 159.215.000 đồng và tiền lãi 82.429.000 đồng. Tổng cộng: 241.644.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Tô Thị N buộc bà Phan Thị M có nghĩa vụ thanh toán 3.533,6kg cà phê nhân Robusta tương ứng với số tiền 134.270.000 đồng; Tiền huê 90,023.000 đồng; Tiền nợ xăng dầu 116.859.000 đồng và tiền lãi 70.115.000 đồng. Tổng cộng: 499.890.000 đồng.

4. Về án phí: Bà N phải chịu 12.082.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 23.995.000 đồng tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố bị bác. Tổng cộng: 36.077.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 6.557.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0006532 ngày 24/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Bà N còn phải nộp 29.520.000 đồng án phí sơ thẩm.

Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0003126 ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Bà N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Nguyệt

